

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày .../12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023; Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông báo kết luận số -TB/TU ngày / /2024 của Tỉnh ủy Quảng Bình thông báo kết luận Hội nghị lần thứ 72 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) với nội dung sau:

A. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và năm 2024

Qua rà soát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý), có một số dự án đến nay đã hoàn thành nghiệm thu, quyết toán còn thừa vốn; một số nguồn vốn trong

trung hạn chưa phân bổ và một số nguồn vốn dự kiến không triển khai hết cần thiết phải điều chỉnh để bổ sung trung hạn cho các nhiệm vụ khác, cụ thể: (1) Bổ sung Dự án Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để triển khai thực hiện giai đoạn 2025-2027; (2) Bổ sung thêm vốn trung hạn cho Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB); (3) Bổ sung vốn dự phòng đầu tư công (dự phòng trong trường hợp dự kiến hụt thu tiền đất năm 2025 và nguồn vốn ngân sách tập trung Thủ tướng Chính phủ giao thấp) để xem xét bù vào nguồn vốn bị hụt nhằm đảm bảo cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn với số tiền: 126.138 triệu đồng.

Đối với điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024, đề xuất điều chỉnh các nguồn vốn không sử dụng hết bổ sung cho các dự án có khả năng giải ngân tốt để nâng cao tỷ lệ giải ngân toàn tỉnh với số tiền: 6.664 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1,2 kèm theo)

B. Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Nguồn vốn đầu tư

Tổng số vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách tỉnh được giao: **3.217.823 triệu đồng**

- Ngân sách tỉnh giao đầu năm: 2.648.443 triệu đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh phân bổ là 1.137.943 triệu đồng; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.510.500 triệu đồng).

- Bổ sung từ nguồn vượt thu năm 2022 giao Ngân sách tỉnh phân bổ: 569.380 triệu đồng.

2. Tình hình thực hiện

Năm 2024, việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. UBND tỉnh giao vốn từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí các công trình hoàn thành, quyết toán; bố trí cho các công trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn được giao, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán quyết toán vốn đầu tư

¹ Văn bản số 192/UBND-TH ngày 30/1/2024; Văn bản số 578/UBND-TH ngày 04/4/2024; Văn bản số 908/UBND-TH ngày 21/5/2024; Văn bản số 1080/UBND-TH ngày 13/6/2024

thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời thành lập các Ban Chỉ đạo², các Tổ công tác của UBND tỉnh do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để chỉ đạo, đơn đốc triển khai thực hiện. Các Tổ công tác của UBND tỉnh đã thường xuyên trực tiếp làm việc với các chủ đầu tư có tỉ lệ giải ngân thấp trên tinh thần tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn" để tháo gỡ khó khăn vướng mắc³, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực tiếp làm việc với các chủ đầu tư để trao đổi, nắm bắt tình hình, hướng dẫn, xử lý, đơn đốc hoàn thiện thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện và giải ngân tương đối tốt, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách tỉnh tính đến 30/10/2024 là 49,2%⁴.

Tuy vậy, công tác triển khai thực hiện còn một số khó khăn như: (1) Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn; (2) Thủ tục đầu tư theo quy định còn kéo dài⁵ (3) Năng lực một số đơn vị tư vấn, xây lắp còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án; (4) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 kéo dài sang năm 2024 nguồn ngân sách tỉnh tương đối lớn⁶.

UBND tỉnh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, giải quyết các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, phấn đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn năm 2024 được giao.

3. Kết quả dự kiến đạt được của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý)

a. Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là: 14.724.812 triệu đồng. Trong đó: Thông qua đầu nhiệm kỳ: 13.947.432 triệu đồng; bổ sung thêm từ nguồn vượt thu tiền đất: 777.380 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh phân bổ: 7.647.972 triệu đồng, trong đó thông qua đầu nhiệm kỳ 6.870.592 triệu đồng; bổ sung cuối nhiệm kỳ: 777.380 triệu đồng.

- Ngân sách huyện phân bổ: 7.076.840 triệu đồng.

b. Đã bố trí đến hết năm 2024 (2021-2024): 11.674.280 triệu đồng (đạt 79,28% trung hạn).

- Ngân sách tỉnh phân bổ: 5.802.380 triệu đồng (đạt 75,8% trung hạn).

- Ngân sách huyện phân bổ: 5.871.000 triệu đồng (đạt 82,97% trung hạn).

II. NGUỒN VỐN, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Căn cứ pháp lý:

² Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 (dự án trọng điểm của tỉnh), Ban Chỉ đạo dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam (đoạn qua Quảng Bình).

³ Yêu cầu chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc báo cáo định kỳ ngày 15 và 30 hàng tháng; trong đó đề nghị nêu cụ thể, chi tiết về dự án như: (1) Tiến độ thực hiện, số vốn giải ngân và tỷ lệ giải ngân đến thời điểm báo cáo (ngày 15 và 30 hàng tháng); (2) Dự án hiện đang ở bước nào, thủ tục đang ở đơn vị nào xử lý; (3) Khó khăn, vướng mắc ở đâu, nguyên nhân giải ngân chậm; (4) Đề xuất giải pháp xử lý, cơ quan nào có trách nhiệm xử lý để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

⁴ Cao hơn so với tỷ lệ giải ngân bình quân chung cả nước đến 30/10/2024 là 47,2%.

⁵ Thời gian này thường kéo dài từ 4 đến 6 tháng, do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm; có sự chồng chéo thủ tục pháp lý, quy định pháp lý chưa rõ; Thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án ODA kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

⁶ Với số tiền 375,791 tỷ đồng.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày .../12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023; Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày .../12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025;

2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:

2.1. Nguyên tắc

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2025 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

- Danh mục dự án dự kiến bố trí năm 2025 phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và số vốn bố trí năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

2.2 Thứ tự ưu tiên

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCHB;
- Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ;
- Bố trí đủ vốn cho dự án hoàn thành trong năm 2025;
- Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm;
- Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh;
- Bố trí Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch;
- Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích;
- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2025.

3. Nguồn vốn phân bổ:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh là: **2.573.498 triệu đồng**⁷. Trong đó, nguồn vốn đầu tư công do tỉnh phân bổ là 1.081.286 triệu đồng; do huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.492.212 triệu đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025
*	TỔNG NGUỒN	2.573.498
I	Nguồn vốn tỉnh phân bổ	1.081.286
1	Nguồn Ngân sách tập trung	266.000
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	707.442
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	82.000
4	Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	25.844
II	Nguồn vốn giao cấp huyện phân bổ	1.492.212
1	Nguồn Ngân sách tập trung	177.230
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.314.982

4. Phương án phân bổ: Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý):

1. Số vốn phân bổ

Trên cơ sở thông báo vốn dự kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (Văn bản số 8222/BKHDT-TH ngày 8/10/2024) và nhu cầu thực tế của tỉnh, nguồn vốn tỉnh phân bổ năm 2025 là 1.081.286 triệu đồng thấp hơn so với nhu cầu còn lại của Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **763.860** triệu đồng (Kế hoạch 2025 theo nhu cầu trung hạn: 1.845.146 triệu đồng). Lý do:

- Nguồn ngân sách tập trung do Trung ương giao giảm so với nhu cầu còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn là 174.670 triệu đồng.

- Dự kiến năm 2025 hụt thu tiền đất nên nguồn thu tiền sử dụng đất để lại cho đầu tư công thuộc ngân sách tỉnh phân bổ giảm so với nhu cầu còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn là 626.092 triệu đồng.

- Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu giảm so với nhu cầu còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn là 18.098 triệu đồng.

- Nguồn Xổ số kiến thiết tăng so với nhu cầu còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn là 55.000 triệu đồng.

Trên cơ sở nguồn vốn giao, UBND tỉnh dự kiến phân bổ giảm các nguồn vốn và công trình dự án theo số vốn thực tế và xem xét phương án điều chỉnh trung hạn và kéo dài thời gian bố trí vốn vào giữa năm 2025 (trường hợp năm 2025 thu tiền sử dụng đất không đạt) để đảm bảo cân đối vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn theo số thu thực tế, cụ thể:

(1) Đối với các nguồn vốn: Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB; Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP;

⁷ Không tính bội chi ngân sách địa phương 252.100 triệu đồng.

Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình); Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch: Cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 so với nhu cầu vốn còn lại của trung hạn để đảm bảo cân đối nguồn ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm, hoàn thành, đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ.

(2) Đối với các dự án khởi công năm 2023, hoàn thành năm 2025

Về nguyên tắc các dự án hoàn thành năm 2025 sẽ bố trí đủ 100% kế hoạch vốn còn lại tuy nhiên do nguồn vốn giảm vì vậy đối với các dự án có số vốn còn lại của năm 2025 dưới 10 tỷ đồng đề nghị bố trí đủ 100%. Đối với các dự án có kế hoạch vốn còn lại năm 2025 trên 10 tỷ đồng, đề nghị bố trí 50% của năm 2025 và kéo qua sang năm 2026 tiếp tục bố trí 50% số vốn còn lại.

(3) Đối với các dự án khởi công năm 2024, hoàn thành năm 2025 hoặc 2026

- Đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục: Khởi công năm 2024, hoàn thành năm 2025: Đề nghị bố trí đủ 100% để đảm bảo đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

- Đối với các dự án Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đền bù GPMB): Đề nghị bố trí đủ 100% để GPMB tạo điều kiện để khởi công sớm dự án.

- Đối với Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình đề nghị bố trí đủ 100% để đưa dự án vào hoạt động.

- Đối với các dự án còn lại đề nghị xem xét bố trí đến năm 2025 đạt 40-50% tổng mức đầu tư dự án. Số vốn còn lại dự kiến chuyển sang năm 2026.

(4) Với phương án xây dựng trên, dự kiến chuyển sang năm 2026 của các công trình dự án khoảng 680.000 triệu đồng đảm bảo không quá 20% theo quy định tại khoản 2, Điều 89 Luật Đầu tư công “*Dự án thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó*”

2. Phương án phân bổ chi tiết:

UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết nguồn ngân sách tỉnh phân bổ với số tiền 1.081.286 triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB: 10.000 triệu đồng (trả nợ cho các dự án đã được phê duyệt quyết toán).

- Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ: 129.368 triệu đồng (Bố trí đủ cho các dự án hoàn thành trong năm 2025; và các dự án chuyển tiếp theo định mức).

- Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm: 174.744 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho dự án khởi công 2023, dự kiến hoàn thành trong năm 2025 theo thời gian bố trí vốn: 455.924 triệu đồng

- Bố trí vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 26.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch: 20.000 triệu đồng ✓

- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch: 20.000 triệu đồng

- Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích: 5.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2024: 260.250 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục 3, 4, 5, 6, 7 kèm theo)

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và các Ban của HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và Kế hoạch vốn năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý) và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó:

Điều 1: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và Kế hoạch vốn năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý)

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn Ngân sách tỉnh quản lý).

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. Kiến nghị

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế của các nguồn thu hợp pháp khác, đề nghị giao UBND tỉnh cân đối, trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Phong Phú

PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch vốn đã giao đến năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
	Tổng nguồn	11.459.130	8.540.440	2.573.498	
I	Vốn do tỉnh phân bổ	4.382.290	2.669.040	1.081.286	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	100.000	67.622	10.000	
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	274.420	125.753	129.368	
4	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	1.166.000	916.256	174.744	
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	51.000	25.000	26.000	
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	50.000	25.000	25.000	
5.4	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	1.000		1.000	
6	Bố trí vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	2.046.470	1.395.897	455.924	
7	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	70.000	5.000	20.000	
8	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	70.000	28.699	5.000	
10	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2024	604.400	104.813	260.250	
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	7.076.840	5.871.400	1.492.212	
1	Vốn tập trung trong nước	1.026.840	733.060	177.230	
-	Thành phố Đồng Hới			20.457	
-	Huyện Minh Hóa			21.952	
-	Huyện Tuyên Hóa			20.066	

-	Huyện Quảng Trạch			19.717	
-	Thị xã Ba Đồn			19.752	
-	Huyện Bố Trạch			28.900	
-	Huyện Quảng Ninh			19.144	
-	Huyện Lệ Thủy			27.242	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	6.050.000	5.138.340	1.314.982	
-	Thành phố Đồng Hới			475.782	
-	Huyện Minh Hóa			4.455	
-	Huyện Tuyên Hóa			35.290	
-	Huyện Quảng Trạch			180.920	
-	Thị xã Ba Đồn			176.000	
-	Huyện Bố Trạch			184.460	
-	Huyện Quảng Ninh			154.635	
-	Huyện Lệ Thủy			103.440	

PHỤ LỤC 1: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMDT			Giảm (-)	Tăng (+)		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
	TỔNG SỐ			577.732	375.177	343.740	126.138	126.138	343.740	
	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024			168.082	157.147	143.710	26.138	26.138	143.710	
1	Điều chỉnh giám KHDTC trung hạn 2021-2025			156.697	155.697	136.710	26.138		110.572	
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, tỉnh Quảng Bình (JICA2)	Quảng Bình	1828/QĐ-UBND ngày 10/8/2012; 3075/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	21.367	20.367	2.300	1.800		500	
2	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	8.841		19.689	
3	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3132 QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	24.250	4.250		20.000	
4	Dường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	450		11.190	
5	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai tại cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	867		8.833	
6	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	330		4.520	

7	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	5.600		44.840	
8	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Binh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành					5.000	4.000		1.000	
II	Điều chỉnh tăng KHDTC trung hạn 2021-2025			11.385	1.450			26.138	33.138	
1	Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Binh	Lệ Thủy		11.385	1.450			435	435	
2	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021- 2025					7.000		25.703	32.703	
	Phân bổ Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024			409.650	218.030	200.030	100.000	100.000	200.030	
1	Nguồn vốn còn lại chưa bố					143.000	100.000		43.000	Số vốn còn lại sẽ phân bổ cho dự án hoàn thành thủ tục
2	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	409.650	218.030	57030		100.000	157.030	

PHỤ LỤC 2: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMDT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST		Giảm (-)	Tăng (+)		
	TỔNG SỐ						30.357	6.664	6.664	30.357	
	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết 201 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024						30.357	6.664	6.664	30.357	
1	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)						2.001	1.001		1.000	
2	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành						5.000	5.000			
3	Bổ trí công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản						3.856	663		3.193	
4	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	25.000	25.000	6.500		663	7.163	Văn bản số 3493/SNN-DAN ngày 2/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Xây dựng mới Trạm Biện phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biện phòng.	Minh Hóa	2024-2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000	5.500		2.000	7.500	Văn bản số 3245/BCH-HICKT ngày 8/11/2024 của BCH Bộ đội Biện phòng
6	Xây dựng Trụ sở xã Ngự Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	4.500		2.000	6.500	Văn bản số 2824/TTr-UBND ngày 8/11/2024 của UBND huyện
7	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kê Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	3.000		2.001	5.001	Văn bản số 2824/TTr-UBND ngày 8/11/2024 của UBND huyện

PHỤ LỤC 04: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA
(Kèm theo Tờ trình số 2263/TT-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
	TỔNG SỐ					684.863	401.952	274.420	243.429	243.429	129.368	
1	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	48.413	72.814	72.814	4.300	
2	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2025	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	409.650	218.030	157.030	114.020	114.020	104.010	
3	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	19.689	22.439	22.439	50	
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2024	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	26.764	26.764	13.935	
5	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	7.392	7.392	6.638	
6	Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Lệ Thủy	2025	2026		11.385	1.450	435			435	

PHỤ LỤC 5: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH 2025
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh				
	TỔNG SỐ					3.872.000	1.175.000	1.166.000	1.666.340	916.256	174.744
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3777/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	375.000	375.000	366.000	179.000	179.000	112.000
2	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021;	3.497.000	800.000	800.000	1.487.340	737.256	62.744

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
	TỔNG CỘNG					2.492.975	2.102.975	2.046.470	1.395.897	1.395.897	455.924
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					1.259.575	1.229.575	1.192.970	898.798	898.798	235.172
I	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH					161.500	161.500	156.660	114.597	114.597	36.063
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	27.160	20.500	20.500	6.660
2	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bồ Trach	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3331/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000	20.000	19.400	18.847	18.847	553
3	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	17.460	16.600	16.600	860
4	Xây dựng Hồ Khe Luộc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.050	11.050	3.500
5	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mè Sỏi đến thôn Rầy Cau (Đoạn từ Cầu Rầy Cau đến đường Nguyễn Dóa)	Đông Hải	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1820/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	15.000	15.000	14.550	8.700	8.700	5.850
6	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bồ Trach	Bồ Trach	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3651/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.300	9.300	5.250
7	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	10.200	10.200	6.110
8	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3536/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	16.980	10.800	10.800	6.180

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
9	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thê Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	9.700	8.600	8.600	1.100
II	GIAO THÔNG					915.000	905.000	878.120	666.701	666.701	165.419
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	120.000	120.000	116.400	71.877	71.877	24.523
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 191/QĐ-UBND ngày 03/2/2023	20.000	20.000	19.400	15.920	15.920	3.480
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3467/QĐ-UBND ngày 04/12/2022	20.000	20.000	19.400	12.500	12.500	6.900
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	40.000	40.000	38.800	27.510	27.510	6.290
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	21.340	15.800	15.800	5.540
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	27.160	22.900	22.900	4.260
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	32.980	30.600	30.600	2.380
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	27.160	17.000	17.000	5.160
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3766/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	40.000	40.000	38.800	27.300	27.300	6.500

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
10	Đường Nguyễn Hữu Cánh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	26.190	19.470	19.470	6.720
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	24.640	24.640	2.520
12	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 27/05/2022; 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.800	7.800	6.600
13	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	18.430	17.500	17.500	930
14	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	25.450	25.450	740
15	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	15.520	13.980	13.980	1.540
16	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3712/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	10.900	10.900	3.650
17	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3380/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	30.000	30.000	29.100	18.400	18.400	10.700
18	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.400	9.400	5.150
19	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3763/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	20.000	20.000	19.400	14.900	14.900	4.500

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
20	Đường liên xã Quảng Tiến đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3690/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.100	11.100	3.450
21	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	29.100	28.150	28.150	950
22	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.369	11.369	3.181
23	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lễ, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3848/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	16.880	16.880	2.520
24	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hòa, huyện Minh Hòa	Minh Hòa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 92/NQ-HĐND số ngày 10/12/2022, 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	28.400	24.100	24.100	4.300
25	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3710/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.200	12.200	2.350
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3650/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	25.000	15.000	14.550	11.230	11.230	3.320
27	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lê Thủy	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	16.090	16.090	400
28	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	13.900	13.900	650
29	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	18.155	18.155	3.185

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hòa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	10.500	10.500	10.840
31	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	27.160	26.950	26.950	210
32	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lê Thủy	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3449/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.250	9.250	5.300
33	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.500	11.500	3.050
34	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	10.780	10.780	3.770
35	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	11.400	11.400	3.150
36	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	19.300	19.300	6.710
HẠ TẦNG KỸ THUẬT						125.575	125.575	121.810	95.200	95.200	19.610
1	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.400	12.400	2.150
2	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3353/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	9.000	9.000	8.730	7.900	7.900	830
3	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3895/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	36.575	36.575	35.480	28.500	28.500	6.980

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
4	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	46.400	46.400	9.650
	DU LỊCH					57.500	37.500	36.380	22.300	22.300	14.080
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bồ Trach	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	12.500	12.500	12.130	7.300	7.300	4.830
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	45.000	25.000	24.250	15.000	15.000	9.250
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					1.072.000	712.000	695.710	407.016	407.016	163.095
I	Y TẾ					489.000	339.000	330.000	192.786	192.786	81.214
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	39.000	39.000	44.400
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2855/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	259.000	109.000	106.900	87.900	87.900	12.000
3	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	50.000	50.000	48.500	29.000	29.000	10.500
4	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lãng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1726/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	6.000	6.000	5.820	5.500	5.500	320
5	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2371/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	22.000	22.000	21.340	15.486	15.486	5.854

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	31.040	15.900	15.900	8.140
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					583.000	373.000	365.710	214.230	214.230	81.881
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bầu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	3.886	3.886	20.015
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1426/QĐ-UBND ngày 05/06/2023	75.000	75.000	72.750	34.100	34.100	21.650
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2644/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	75.000	75.000	72.750	44.400	44.400	15.350
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	25.000	25.000	24.250	17.400	17.400	6.850
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.000	8.000	7.760	7.530	7.530	230
6	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2025	41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021 của UBND tỉnh 198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	340.000	130.000	130.000	100.000	100.000	15.000
7	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1109/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	10.000	10.000	9.700	6.914	6.914	2.786

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
C	LĨNH VỰC KHÁC					161.400	161.400	157.790	90.083	90.083	57.657
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 851/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	25.000	25.000	24.250	14.500	14.500	9.750
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2613/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	22.000	22.000	21.340	12.800	12.800	8.540
3	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	25.000	25.000	24.250	15.763	15.763	8.487
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	14.550	11.600	11.600	2.950
5	Xây dựng Kỳ túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3796/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	12.500	12.500	12.130	7.800	7.800	4.330
6	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	8.900	8.900	8.720	6.320	6.320	2.400
7	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu tư xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022	2025	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 2/6/2023	38.000	38.000	38.000	12.200	12.200	15.750
8	Xây dựng Trụ sở xã Ngự Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.100	9.100	5.450



PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			
	TỔNG CỘNG					1.101.459	688.000	604.400	104.813	260.250
I	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng					266.500	266.500	249.000	21.000	107.663
1	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Minh Hóa	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000	24.500	7.500	7.663
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Đồng Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	41.500	41.500	34.000	7.000	9.000
3	Doanh trại Huấn luyện tập trung lực lượng dân quân biển và hệ thống kê chống sạt lở Doanh trại Đảo Hòn La	Quảng Trạch	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	25.000	25.000	20.500	5.000	5.500
4	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2024	2025	27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	140.000	140.000	140.000	1.000	70.000
5	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao	Đồng Hới	2024	2025	28/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	30.000	30.000	30.000	500	15.500
II	Lĩnh vực nông nghiệp					515.659	182.000	141.500	31.500	58.000
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dạ Lam	Lệ Thủy	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000	14.000	14.000	3.000	5.000
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	21.000	21.000	21.000	4.000	6.000
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roòn (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	4.000	7.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			
4	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024	2026	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	48.000	48.000	30.000	7.000	10.000
5	Nâng cấp Hồ Troóc Vực	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	5.000	7.000
6	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	43.000	43.000	20.500	500	15.000
7	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đền bù GPMB)	Ba Đồn	2024	2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 3/6/2024	349.659	16.000	16.000	8.000	8.000
III	Lĩnh vực giáo dục					70.000	70.000	70.000	20.703	49.297
1	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà	Minh Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	3.000	3.000	3.000	1.500	1.500
2	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	12.000	12.000	12.000	3.000	9.000
3	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000	14.000	14.000	3.500	10.500
4	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500	8.500	2.500	6.000
5	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500	8.500	2.500	6.000
6	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	13.000	13.000	13.000	4.000	9.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			
7	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	11.000	11.000	11.000	3.703	7.297
IV	Lĩnh vực khác					249.300	169.500	143.900	31.610	45.290
1	Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xạ trị, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa Đồng Hới	Đồng Hới	2024	2025	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	95.000	95.000	95.000	18.790	26.210
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn.	Ba Đồn	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 149/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	85.000	45.000	19.400	4.500	7.900
3	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	5.320	4.680
4	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024	2025	198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	49.300	9.500	9.500	3.000	6.500

NGHỊ QUYẾT

**Về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và
phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình
(Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-
CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày /12/2023 của Thủ tướng Chính phủ
về việc giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh
quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1)
và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn
ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023; Nghị quyết
201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế
hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh
quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2024 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Kế
hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư
công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.